TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 15/2025/HNGĐ – ST Ngày 22/4/2025. V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Xuân Vinh.

2.Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Trần Cao C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi đến với nhau trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện, sau đó chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, chúng tôi chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn

do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp, chúng tôi cũng đã cố gắng hòa giải nhưng do mâu thuẫn trầm trọng nên tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục dung hòa được, vì vậy chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Trần Cao C.

-Về con chung: Chúng tôi có với nhau được 02 người con chung là cháu Trần Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Trần Nguyễn Thuyên T, sinh ngày 20/09/2013. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Trần Cao C vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu B được ly hôn với ông Trần Cao C.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Trần Nguyễn Thuyên T, sinh ngày 20/09/2013.

Giao cháu Trần Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Trần Nguyễn Thuyên T, sinh ngày 20/09/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Cao C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

3.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu B và ông Trần Cao C có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15 tháng 01 năm 2010, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên đã sống ly thân. Vì vậy bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Cao C; Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Cao C không tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu B và ông Trần Cao C đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà B xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, còn ông C vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định nguyện vọng của ông về quan hệ hôn nhân. Kết quả xác minh tình trang hôn nhân tại địa phương, mặc dù địa phương không nắm cụ thể mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên xác định được bà B và ông C không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy thấy được quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu B và ông Trần Cao C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B, cho bà Nguyễn Thị Thu B được ly hôn với ông Trần Cao C.

3.2.Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Trần Nguyễn Thuyên T, sinh ngày 20/09/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung, hiện nay các cháu do bà B đang trực tiếp nuôi dưỡng, bên cạnh đó ông C vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định được nguyện vọng của ông về con chung, trong bản tự khai, các cháu Thuyên K và Thuyên T đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy việc giao cháu Trần Nguyễn Thuyên T và cháu Trần Nguyễn Thuyên K cho bà Nguyễn Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Cao C được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con

chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.3.Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu B được ly hôn với ông Trần Cao C.

2.Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Trần Nguyễn Thuyên T, sinh ngày 20/09/2013.

Giao cháu Trần Nguyễn Thuyên K, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Trần Nguyễn Thuyên T, sinh ngày 20/09/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Cao C được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4.Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0014325 ngày 02/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện K;
-Chi cục THADS huyện K;
-UBND xã E, huyện K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H’ Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Vinh **Trịnh Thị Oanh** **H'Năm Bkrông**

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-UBND xã Long Thạnh H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’ Năm Bkrông